

**BẢN CÔNG BỐ**  
**Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh**  
**đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành**

Kính gửi: Sở Y tế tỉnh Phú Thọ

Tên cơ sở hướng dẫn thực hành: Trung tâm Y tế khu vực Tân Lạc  
Số giấy phép hoạt động: 00762/PT-GPHĐ  
Cơ quan cấp: Sở Y tế tỉnh Phú Thọ ngày 18 tháng 8 năm 2025.  
Địa chỉ: Khu Muồng Định, xã Tân Lạc, tỉnh Phú Thọ  
Chịu trách nhiệm chuyên môn: BSCKI Bùi Văn Nhọn  
Điện thoại liên hệ: 0327676868  
Email: khnvyttl@gmail.com

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh. Trung tâm Y tế khu vực Tân Lạc công bố là cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

- Đối tượng hướng dẫn thực hành:
  - Bác sỹ: Bác sỹ Y khoa; Bác sỹ y học cổ truyền; Bác sỹ y học dự phòng; Bác sỹ Răng hàm mặt; Bác sỹ chuyên khoa cơ bản gồm (Cấp cứu, Ngoại khoa, Sản khoa, Răng- Hàm -Mặt).
  - Y sỹ: Y sỹ đa khoa; Y sỹ y học cổ truyền.
  - Điều dưỡng: Điều dưỡng đa khoa.
  - Hộ sinh, Điều dưỡng chuyên ngành sản phụ khoa.
  - Kỹ thuật y: Kỹ thuật viên y đa khoa, Kỹ thuật viên y chuyên khoa (Chuyên ngành xét nghiệm y học, Hình ảnh y học, Phục hồi chức năng).
- Danh sách người hướng dẫn thực hành: ( Có danh sách cụ thể đính kèm)
- Số lượng người thực hành có thể tiếp nhận để hướng dẫn thực hành: 50 người tại cùng một thời điểm với các trình độ khác nhau.
- Chi phí người hướng dẫn thực hành: Theo Quyết định số 311/QĐ-TTYT ngày 06/10/2025 của Giám đốc Trung tâm Y tế khu vực Tân Lạc về việc phê duyệt biểu giá học phí hướng dẫn thực hành tại Trung tâm Y tế khu vực Tân Lạc.

Trung tâm Y tế khu vực Tân Lạc cam kết chịu trách nhiệm trước Pháp luật về các nội dung đã công bố.

Tài liệu gửi kèm theo bản công bố: Chương trình đào tạo thực hành.

Bản công bố này thay thế cho bản công bố số 508/TB-TTYT ngày 05/06/2024 của Trung tâm Y tế huyện Tân Lạc./.

**GIÁM ĐỐC**



**Trần Quốc Mạnh**



SỞ Y TẾ TỈNH PHÚ THỌ  
TRUNG TÂM Y TẾ KHU VỰC TÂN LẠC

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THỰC HÀNH  
ĐỀ CẤP PHÉP HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH TẠI  
TRUNG TÂM Y TẾ KHU VỰC TÂN LẠC**

(Kèm theo Bản Công bố số: 346/CB-TTYT ngày 13 tháng 10 năm 2025 của  
Trung tâm Y tế khu vực Tân Lạc)

**I. ĐỐI TƯỢNG, THỜI GIAN TỔ CHỨC THỰC HÀNH**

**1. Đối tượng:** Đối tượng hướng dẫn thực hành KBCB theo quy định tại Khoản 1 Điều 23 Luật Khám bệnh, chữa bệnh năm 2023 và phân công cụ thể, chi tiết các đối tượng như tại Điều 1 Thông tư 32/2023/TT-BYT, cụ thể như sau:

(1) Bác sỹ: Bác sỹ y khoa; Bác sỹ y học cổ truyền; Bác sỹ y học dự phòng; Bác sỹ Răng hàng mặt; Bác sỹ chuyên khoa cơ bản gồm (Cấp cứu, Ngoại khoa, Sản khoa, Răng- Hàm -Mặt ).

(2) Y sỹ: Y sỹ đa khoa; Y sỹ y học cổ truyền.

(3) Điều dưỡng: Điều dưỡng đa khoa.

(4) Hộ sinh, Điều dưỡng chuyên ngành sản phụ khoa.

(5) Kỹ thuật y: Kỹ thuật viên y đa khoa, Kỹ thuật viên y chuyên khoa (Chuyên ngành xét nghiệm y học, Hình ảnh y học, Phục hồi chức năng).

**2. Thời gian tổ chức thực hành:** Căn cứ theo quy định tại Điều 3 Nghị định 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ).

**3. Thời gian thực hành đối với từng đối tượng như sau:**

\* Đối với trường hợp người bắt đầu thực hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2024: thực hành theo quy định tại Điều 129 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP

TT	Nhu cầu thực hành cấp xác nhận năng lực chuyên môn	Chuyên khoa thực hành	Thời gian thực hành
1	Bác sỹ y khoa	(1) Hồi sức cấp cứu	03 tháng
		(2) Nội khoa	02 tháng
		(3) Ngoại khoa	02 tháng
		(4) Sản phụ khoa	02 tháng
		(5) Nhi khoa, sơ sinh	02 tháng
		(6) YHCT & PHCN	01 tháng
		<b>Tổng thời gian thực hành</b>	<b>12 tháng</b>

TT	Nhu cầu thực hành cấp xác nhận năng lực chuyên môn	Chuyên khoa thực hành	Thời gian thực hành
2	Bác sỹ Y học cổ truyền	(1) YHCT & PHCN	07 tháng
		(2) Hồi sức cấp cứu	03 tháng
		(3) Dược - Vật tư, thiết bị y tế	02 tháng
		<b>Tổng thời gian thực hành</b>	<b>12 tháng</b>
3	Bác sỹ Y học dự phòng	(1) Hồi sức cấp cứu	03 tháng
		(2) Nội khoa	02 tháng
		(3) Ngoại khoa	02 tháng
		(4) Sản phụ khoa	02 tháng
		(5) Nhi khoa, sơ sinh	02 tháng
		(6) YHCT & PHCN	01 tháng
		<b>Tổng thời gian thực hành</b>	<b>12 tháng</b>
4	Bác sỹ Răng hàm mặt	(1) Hồi sức cấp cứu	03 tháng
		(2) Chuyên khoa RHM	09 tháng
		<b>Tổng thời gian thực hành</b>	<b>12 tháng</b>
5	Bác sỹ chuyên khoa cơ bản (Cấp cứu, Ngoại khoa, Sản khoa, Răng-Hàm -Mặt).	(1) Chuyên khoa được đào tạo	09 tháng
		<b>Tổng thời gian thực hành</b>	<b>09 tháng</b>
6	Y sỹ Y học cổ truyền	(1) YHCT & PHCN	05 tháng
		(2) Hồi sức cấp cứu	03 tháng
		(3) Dược - Vật tư, thiết bị y tế	01 tháng
		<b>Tổng thời gian thực hành</b>	<b>09 tháng</b>
7	Y sỹ đa khoa	(1) Hồi sức cấp cứu	03 tháng
		(2) Nội khoa	02 tháng
		(3) Ngoại khoa	01 tháng
		(4) Sản phụ khoa	01 tháng
		(5) Nhi khoa	01 tháng
		(6) YHCT & PHCN	01 tháng
		<b>Tổng thời gian thực hành</b>	<b>09 tháng</b>

TT	Nhu cầu thực hành cấp xác nhận năng lực chuyên môn	Chuyên khoa thực hành	Thời gian thực hành
8	Điều dưỡng	(1) Hồi sức cấp cứu	01 tháng
		(2) Nhi Khoa	1,5 tháng
		(3) Nội khoa	1.5 tháng
		(4) Ngoại khoa	02 tháng
		<b>Tổng thời gian thực hành</b>	<b>06 tháng</b>
9	Hộ sinh; Điều dưỡng chuyên ngành sản phụ khoa.	(1) Sản phụ khoa	05 tháng
		(2) Hồi sức cấp cứu	01 tháng
		<b>Tổng thời gian thực hành</b>	<b>06 tháng</b>
10	Kỹ thuật viên hình ảnh y học	(1) CĐHA	05 tháng
		(2) Hồi sức cấp cứu	01 tháng
		<b>Tổng thời gian thực hành</b>	<b>06 tháng</b>
11	Kỹ thuật viên xét nghiệm y học	(1) Xét nghiệm	05 tháng
		(2) Hồi sức cấp cứu	01 tháng
		<b>Tổng thời gian thực hành</b>	<b>06 tháng</b>
12	Kỹ thuật viên phục hồi chức năng	(1) YHCT & PHCN	05 tháng
		(2) Hồi sức cấp cứu	01 tháng
		<b>Tổng thời gian thực hành</b>	<b>06 tháng</b>

**\* Đối với trường hợp người đã bắt đầu thực hành từ trước ngày 01 tháng 01 năm 2024, người thực hành có thể thực hiện theo một trong các quy định sau:**

**a) Thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 143 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP:** “Tiếp tục thực hành theo quy định của Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 và các văn bản hướng dẫn thi hành của Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12. Kết quả thực hành được sử dụng để đề nghị cấp giấy phép hành nghề, trong đó phạm vi hành nghề thực hiện theo quy định của Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12;

**b) Thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 143 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP:** “Thực hành theo quy định tại Nghị định này”. Đồng thời có thể áp dụng quy định tại điểm b khoản 5 Điều 129 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP: “Tính thời gian đã thực hành trước ngày 01 tháng 01 năm 2024 để tính tổng thời gian thực hành nhưng phải đảm bảo thời gian thực hành theo quy định tại Điều 3 Nghị định này trước

ngày 31 tháng 12 năm 2024" và phải đáp ứng đầy đủ nội dung và chương trình thực hành theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP.

**II. TỔ CHỨC THỰC HÀNH** (Theo quy định tại Điều 7 Nghị định 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ).

**1. Tiếp nhận người thực hành:**

a) Người thực hành phải có đơn đề nghị thực hành theo Mẫu 03 Phụ lục I và bản sao hợp lệ một trong các văn bằng chuyên môn quy định tại Điều 8 quy định tại Nghị định 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ gửi đến cơ sở hướng dẫn thực hành nơi đăng ký thực hành.

- Nộp bản sao hợp lệ văn bằng chuyên môn phù hợp với nội dung đăng ký thực hành.

- Giấy khám sức khỏe.

- Quyết định hoặc giấy giới thiệu của cơ quan cử đi (nếu có).

b) Sau khi nhận được đơn đề nghị thực hành, người đứng đầu hoặc người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh là cơ sở hướng dẫn thực hành có trách nhiệm:

- Ký hợp đồng thực hành khám bệnh, chữa bệnh với người thực hành theo Mẫu 04 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 96/2023/NĐ-CP;

- Gửi văn bản đăng ký danh sách người thực hành khám bệnh, chữa bệnh theo Mẫu 05 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 96/2023/NĐ-CP về Sở Y tế tỉnh Phú Thọ.

- Đăng tải danh sách người thực hành khám bệnh, chữa bệnh trên trang thông tin điện tử của cơ sở và trên Hệ thống thông tin về quản lý hoạt động khám bệnh, chữa bệnh.

**2. Phân công người hướng dẫn thực hành:**

a) Phân công người hướng dẫn thực hành theo Mẫu 06 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ;

b) Một người hướng dẫn thực hành chỉ được hướng dẫn tối đa 05 người thực hành trong cùng một thời điểm.

**3. Điều kiện đối với người hướng dẫn thực hành:**

a) Có giấy phép hành nghề với chức danh, phạm vi hành nghề phù hợp với nội dung, đối tượng được hướng dẫn thực hành;

b) Có trình độ đào tạo tương đương hoặc cao hơn người thực hành;

c) Có thời gian hành nghề khám bệnh, chữa bệnh liên tục từ 03 năm trở lên.

**4. Người hướng dẫn thực hành chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn cho người bệnh trong quá trình hướng dẫn thực hành và chịu trách nhiệm nếu để người thực hành gây sai sót chuyên môn trong quá trình thực hành, gây ảnh**

TH  
AM  
SC  
IC

**hướng đến sức khỏe của người bệnh, trừ trường hợp người thực hành cố ý vi phạm.**

**5. Sau khi hoàn thành thực hành và có kết quả đánh giá, nhận xét của người hướng dẫn thực hành đối với người thực hành, cơ sở hướng dẫn thực hành có trách nhiệm:**

a) Cấp giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành cho người thực hành theo Mẫu 07 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ;

b) Đăng tải danh sách người đã hoàn thành quá trình thực hành trên trang thông tin điện tử của cơ sở hướng dẫn thực hành và trên Hệ thống thông tin về quản lý hoạt động khám bệnh, chữa bệnh.

### **III. XÁC NHẬN HOÀN THÀNH QUÁ TRÌNH THỰC HÀNH**

Cấp giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành theo Mẫu 07 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 96/2023/NĐ-CP.

Trên đây là Nội dung thực hành để cấp giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh tại Trung tâm Y tế khu vực Tân Lạc. Các khoa, phòng, Trạm Y tế và các cá nhân có liên quan căn cứ thực hiện.

SỞ Y TẾ TỈNH PHÚ THỌ  
TRUNG TÂM Y TẾ KHU VỰC TÂN LẠC



**DANH SÁCH NGƯỜI HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH  
TẠI CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH**

(Kèm theo Bản Công bố số 346/CB-TTYT ngày 13/10/2025 của  
Trung tâm Y tế khu vực Tân Lạc)

TT	Họ và tên	Văn bằng chuyên môn	Số chứng chỉ hành nghề đã được cấp	Phạm vi hoạt động chuyên môn
1.	Trần Quốc Mạnh	BSCKII	000158/HB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh ngoại sản. Khám chữa bệnh nội khoa (ngoài giờ hành chính)
2.	Đình Quang Hòa	BSCKI	001141/HB-CCHN	Khám chữa bệnh đa khoa, chuyên khoa Ngoại.
3.	Bùi Văn Quảng	BSCKI	000150/HB-CCHN	Khám chữa bệnh đa khoa, chuyên khoa Ngoại.
4.	Trần Anh Tuấn	BSCKI	002654/HB-CCHN	Khám chữa bệnh đa khoa, chuyên khoa Ngoại.
5.	Bùi Văn Nhọn	BSCKI	0001086/HB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh nội, hồi sức cấp cứu và Nhi khoa
6.	Đình Văn Chiến	BSCKI	0002254/HB-CCHN	Gây mê, hồi sức cấp cứu, khám chữa bệnh nội nhi.
7.	Bùi Văn Đường	BSCKI	002487/HB-CCHN	Gây mê, hồi sức cấp cứu, khám chữa bệnh nội nhi.
8.	Vũ Văn Thọ	BSCKI	0001234/HB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh nội nhi; truyền nhiễm.
9.	Đình Đức Đường	BSCKI	002863/HB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa.
10.	Đình Trung Trường	BSCKI	002850/HB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa răng hàm mặt
11.	Bùi Thị Thúy	BS DH CDHA	002942/HB-CCHN	Chẩn đoán hình ảnh (Siêu âm tổng quát, chụp và đọc kết quả XQ thường quy).
12.	Bùi Văn Dân	BSCKI	000941/HB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, chuyên khoa Nhi
13.	Lê Thị Liên	BSCKI	002589/HB-CCHN; QĐ số 1092/QĐ-SYT ngày 05/4/2022 của SYT Hoà Bình	Khám chữa bệnh đa khoa, chuyên khoa phụ sản
14.	Nguyễn Xuân Việt	BSCKI	002865/HB-CCHN	Khám chữa bệnh đa khoa, chuyên khoa phụ sản
15.	Vũ Công Phú	BSCKI	0001159/HB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Y học cổ truyền
16.	Bùi Thị Thanh Nga	BSYHCT	002602/HB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Y học cổ truyền
17.	Bùi Thị Quế	ĐD DH	000181/HB-CCHN	Thực hiện phạm vi chuyên môn theo

TT	Họ và tên	Văn bằng	Số chứng chỉ hành nghề đã được cấp	Phạm vi hoạt động chuyên môn
18	Bùi Thị Nhật	BD DH	000147/HB-CCHN	Thực hiện phạm vi chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y
19	Bùi Thị Chiếu	BD DH	000133/HB-CCHN	Thực hiện phạm vi chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y
20	Nguyễn Thị Thanh Thủy	BD DH	000136/HB-CCHN	Thực hiện phạm vi chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y
21	Bùi Văn Hùng	BD DH	000124/HB-CCHN	Thực hiện phạm vi chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y
22	Nguyễn Thị Hương	BD DH	000128/HB-CCHN	Thực hiện phạm vi chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y
23	Vũ Thị Sen	BD DH	000180/HB-CCHN	Thực hiện phạm vi chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y
24	Bùi Thị Quyên	BD DH	000114/HB-CCHN	Thực hiện phạm vi chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y

TT	Họ và tên	Văn bằng chuyên môn	Số chứng chỉ hành nghề đã được cấp	Phạm vi hoạt động chuyên môn
				chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y
25	Bùi Thị Nở	ĐD ĐH	002537/HB-CCHN	Thực hiện phạm vi chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y
26	Trần Thị Quyên	ĐD ĐH	000114/HB-CCHN	Thực hiện phạm vi chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y
27	Bùi Thị Khuyên	ĐD ĐH	000126/HB-CCHN	Thực hiện phạm vi chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y
28	Hoàng Thị Hà	ĐD ĐH	0001239/HB-CCHN	Thực hiện phạm vi chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y
29	Đinh Thị Thu Trang	ĐD ĐH	002416/HB-CCHN	Thực hiện phạm vi chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y
30	Bùi Thị Nhung	Hộ sinh ĐH	000165/HB-CCHN	Thực hiện phạm vi chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y

TỈNH  
 HUNG  
 Y TẾ  
 SỐ VỰC  
 TÂN LẠC

TT	Họ và tên	Văn bằng	Số chứng chỉ hành nghề đã được cấp	Phạm vi hoạt động chuyên môn
31	Bùi Thị Anh	Hộ sinh DH	000700/HB-CCHN	Thực hiện phạm vi chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y
32	Bùi Thị Thu Trang	Hộ sinh DH		Thực hiện phạm vi chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y
33	Bùi Thị Thanh Hiền	Cao đẳng	002945/HB-CCHN	Kỹ thuật viên PHCN
34	Bùi Văn Tiếp	CN xét nghiem	002398/HB-CCHN	Thực hiện phạm vi chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y
35	Doãn Văn Học	CN xét nghiem	002273/HB-CCHN	Thực hiện phạm vi chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y
36	Dương Thị Giang	CN xét nghiem	000143/HB-CCHN	Thực hiện phạm vi chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y
37	Đinh Thị Xuyên	CN xét nghiem	000319/HB-CCHN	Thực hiện phạm vi chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y
38	Bùi Thị Hoa	CN xét nghiem	000144/HB-CCHN	Thực hiện phạm vi chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y

TT	Họ và tên	Văn bằng chuyên môn	Số chứng chỉ hành nghề đã được cấp	Phạm vi hoạt động chuyên môn
39	Bùi Văn Tiến	CN xét nghiệm	000167/HB-CCHN	Thực hiện phạm vi chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y
40	Bùi Ngọc Anh	Cao đẳng xét nghiệm	002993/HB-CCHN	Thực hiện phạm vi chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y

